

Số: /BC -UBND

Lương Bằng, ngày tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2024

(Số liệu tính từ 08/12/2023 đến hết ngày 08/06/2024)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về xây dựng, triển khai kế hoạch CCHC

Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện triển khai các văn bản của Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và Ủy ban nhân dân xã về thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024 tới toàn thể cán bộ, công chức xã và các thôn. Ban hành Quyết định số 16/QĐ-UBND ngày 26 tháng 01 năm 2024 của ủy ban nhân dân xã Lương Bằng về việc thực hiện ban hành kế hoạch cải cách hành chính năm 2024. Ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 15/02/2024 về giao nhiệm vụ thực hiện cải cách hành chính năm 2024. Triển khai đến cán bộ, công chức trong hội nghị giao ban và gửi văn bản đến các thôn thực hiện triển khai tại cuộc họp thôn.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành CCHC

Ban hành Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 15 tháng 02 năm 2024 của ủy ban nhân dân xã Lương Bằng về việc thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2024. Trong đó đồng chí chủ tịch UBND xã trực tiếp chỉ đạo công tác Cải cách hành chính, chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Đảng ủy, HĐND xã Lương Bằng về công tác cải cách hành chính, chỉ số cải cách hành chính của địa phương. Lãnh đạo UBND xã chú trọng chỉ đạo điều hành công tác CCHC tại đơn vị, quán triệt chỉ đạo lồng ghép trong cuộc họp giao ban hằng tháng của UBND, họp cán bộ công chức và thường xuyên đôn đốc đối với cán bộ trực Bộ phận một cửa của đơn vị. Quan tâm, bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC tại đơn vị.

3. Về kiểm tra, giám sát cải cách hành chính

- Cấp có thẩm quyền kiểm tra, giám sát công tác CCHC tại đơn vị: Không có.
- Đơn vị tự kiểm tra chủ yếu qua hình thức: Công chức tham mưu thực hiện CCHC tại đơn vị tự kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm và qua sự theo dõi, quản lý, kiểm tra, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo UBND.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

UBND xã xác định các nội dung, hình thức tuyên truyền và giao từng ban, ngành liên quan triển khai thực hiện; niêm yết áp phích, tờ rơi do UBND tỉnh cung cấp tại Bộ phận một cửa của đơn vị, thông qua đài Truyền thanh xã, trang thông tin điện tử xã... Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 06 tháng 3 năm 2024 về tuyên truyền cải cách hành chính xã Lương Bằng năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, đơn vị đã thường xuyên thực hiện các nội dung của kế hoạch tuyên truyền CCHC. Thông qua việc thực hiện kế hoạch tuyên truyền, cán bộ, công chức và người dân đã nhận thức được rõ hơn về công tác CCHC tại

địa phương, đặc biệt là tuyên truyền và thực hiện các quy định về cải cách Thủ tục hành chính, đẩy mạnh việc sử dụng dịch vụ công của người dân.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

Chú trọng nâng cao chất lượng xây dựng các văn bản QPPL. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật. Xây dựng và ban hành kế hoạch Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2024. Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 23/01/2024; Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật kế hoạch số 17/KH-UBND, ngày 15/02/2024 về theo dõi thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Lương Bằng năm 2024; và tổ chức triển khai có hiệu quả các nội dung theo kế hoạch.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- UBND xã kịp thời xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2024 ban hành kèm theo quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 10/01/2024; Kế hoạch Hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã Lương Bằng năm 2024.

UBND tuân thủ đúng các quy định về thời gian, trình tự giải quyết các TTHC thuộc các lĩnh vực. Ban hành kế hoạch truyền thông về kiểm soát TTHC và cải cách thủ tục hành chính năm 2024 (Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 15/02/2024).

- Công tác rà soát đánh giá TTHC: Trong Quý I/2024, UBND xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát đánh giá TTHC năm 2024 (Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 06/02/2024) .

- Về công khai TTHC: Căn cứ bộ danh mục TTHC được UBND tỉnh phê duyệt, công bố, đơn vị thực hiện niêm yết công khai đầy đủ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã ở Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã.

- Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC: UBND tiếp nhận ý kiến, phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định TTHC tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã. Trong kỳ báo cáo không có ý kiến, kiến nghị phản ánh về TTHC được tiếp nhận.

Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Quyết định số 985/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch số 412/KH-UBND ngày 27/9/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ; đơn vị đã kiện toàn và duy trì hoạt động Bộ phận TN&TKQ, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND xã . Đến nay, xã đã đưa 100% TTHC thẩm quyền giải quyết vào thực hiện theo cơ chế một cửa (đối với các TTHC được quy định phải thực hiện theo cơ chế một cửa).

Về bố trí Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa): UBND xã có bố trí nhà riêng Bộ phận TN&TKQ xã diện tích 40m²; phòng làm việc đảm bảo về trang thiết bị phục vụ cho việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân (máy tính, máy in, máy scan, ghế ngồi, bàn làm việc, nước uống) và phân công công chức chuyên môn trực thường xuyên tại bộ phận một cửa.

Về bố trí Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả (bộ phận một cửa): UBND xã có Bộ phận TN&TKQ được xây mới đảm bảo về diện tích; phòng làm việc đảm bảo về trang thiết bị phục vụ cho việc tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC của tổ chức, cá nhân (máy tính, máy in, máy scan, ghế ngồi, bàn làm việc, nước uống) và phân công công chức chuyên môn trực thường xuyên tại bộ phận một cửa.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hoạt động theo quy chế riêng và có lịch trực cụ thể. Cán bộ công chức tại Bộ phận luôn giữ tinh thần thái độ tốt trong phục vụ nhân dân, thực hiện đúng các quy định về thời gian và trình tự giải quyết các thủ tục hành chính; 100 % thủ tục được giải quyết đúng hạn, không có thủ tục quá hạn.

Trong 6 tháng năm 2024 Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tiếp nhận 148 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó 88 hồ sơ trực tiếp, 60 hồ sơ tiếp nhận Trực tuyến, tất cả các hồ sơ đã được giải quyết và trả kết quả đúng thời hạn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

UBND duy trì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, các văn bản chỉ đạo của Tỉnh, huyện; duy trì thực hiện quy chế hoạt động của đơn vị, việc bố trí cán bộ công chức phù hợp vị trí việc làm, cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo bộ máy đơn vị tinh gọn, số lượng cán bộ, công chức đảm bảo theo quy định.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Đội ngũ cán bộ, công chức thuộc UBND xã được bố trí phù hợp với trình độ chuyên môn, chức danh theo quy định. Hiện tỷ lệ cán bộ, công chức đạt chuẩn chuyên môn đạt 19/19 đạt 100%. Thường xuyên đôn đốc đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành nội quy, quy định của cơ quan đơn vị.

100% chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị.

5. Cải cách tài chính công

- Thực hiện quản lý thu chi ngân sách nhà nước theo quy định, thu ngân sách theo kế hoạch giao;

- Xây dựng quy chế sử dụng và quản lý tài sản công bảo quản theo quy định.

- Thực hiện tiết kiệm và tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, trong cơ quan, đơn vị năm 2023. UBND chú trọng triển khai và thực hiện các văn bản về công tác tài chính; thực hiện chế độ tự chủ ngân sách năm 2024; Kịp thời ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị năm 2024.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 06/02/2024 kế hoạch chuyển đổi số xã năm 2024. Duy trì hoạt động của BCĐ chuyển đổi số cấp xã.

Duy trì hoạt động trang thông tin điện tử xã cập nhật tin bài trên trang.

- Hạ tầng và nguồn lực CNTT: UBND xã bố trí 19 máy tính/19 cán bộ công chức, 100% máy tính làm việc của cán bộ, công chức được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền, được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng. Đã xây dựng hệ thống mạng lan theo quy định.

Đơn vị được cấp và sử dụng tốt hệ thống quản lý văn bản và điều hành của UBND huyện, quản lý sử dụng chữ ký số chuyên dùng cho tổ chức và cá nhân. Đến thời điểm hiện tại, số văn bản tiếp nhận qua phần mềm hồ sơ công việc gồm 4.119 văn bản đến, số văn bản đi đã ban hành 503 văn bản. Đơn vị sử dụng thiết bị để ký số và xác thực văn bản điện tử; 100% văn bản được ký số gửi bản điện tử, tuy nhiên tỷ lệ văn bản điện tử hoàn toàn đạt trên 95% (*do phần lớn văn bản được gửi đến thôn, bản bắt buộc phải dùng bản giấy*); góp phần tiết kiệm kinh phí hành chính (giấy, mực, máy in, phí bưu chính...) đặc biệt góp phần trong công tác chỉ đạo, điều hành nhanh, kịp thời hơn.

Ngoài ra, đơn vị áp dụng và duy trì sử dụng ổn định hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông.

- Việc triển khai thực hiện Dịch vụ công trực tuyến:

+ Số TTHC cung cấp Dịch vụ công trực tuyến toàn trình 62 thủ tục, dịch vụ công trực tuyến 1 phần 13 thủ tục

Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình có phát sinh hồ sơ: 55 hồ sơ

Tỷ lệ Dịch vụ công trực tuyến một phần: 05 hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Công tác CCHC luôn được sự chỉ đạo sát sao của cấp ủy Đảng, chính quyền trong triển khai và thực hiện các nhiệm vụ CCHC hằng năm tại đơn vị; kịp thời triển khai các kế hoạch công tác kiểm soát TTHC, rà soát quy định TTHC trong năm; thực hiện chế độ tự chủ tài chính trong hoạt động. UBND chỉ đạo phân công công chức chuyên môn duy trì trực, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đúng thời hạn cho công dân; việc thu phí, lệ phí theo quy định...

Duy trì ứng dụng phần mềm quản lý văn bản đã giúp cán bộ, công chức chủ động trong nhận và gửi văn bản nội bộ, giữa cơ quan, đơn vị với các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, tiết kiệm kinh phí văn phòng phẩm,....

2. Hạn chế, khó khăn

Việc thực hiện một số nội dung trong kế hoạch CCHC chưa đạt kết quả cao như: Nguồn nhân lực đáp ứng cho việc ứng dụng CNTT tại đơn vị còn hạn chế (không có cán bộ công chức có trình độ chuyên sâu về lĩnh vực CNTT, chủ yếu là có chứng chỉ tin học văn phòng phục vụ công tác). Năng lực của một số cán bộ, công chức còn hạn chế nên trong việc rà soát, cập nhật, công khai bộ thủ tục hành chính chưa hiệu quả. Công chức tại bộ phận “một cửa” chưa am hiểu đa ngành, đa lĩnh vực nên việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và công dân còn nhiều hạn chế.

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại xã chưa được đầu tư trang thiết bị đầy đủ theo tiêu chuẩn.

Người dân chưa quan tâm nhiều trong việc tiếp cận các tiện ích, các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao. Trình độ nhận thức và việc sử dụng công nghệ thông tin của đại đa số người dân còn hạn chế.

Tỷ lệ phát sinh TTHC qua dịch vụ công trực tuyến mức còn thấp, không có hồ sơ phát sinh qua dịch vụ bưu chính công ích.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

1. Về cải cách thể chế và thủ tục hành chính

Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong dân, xây dựng và triển khai thực hiện tốt kế hoạch thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính năm 2024. rà soát các văn bản hết hiệu lực.

Nâng cao chất lượng hoạt động của bộ phận “một cửa”, bố trí đầy đủ các thiết bị phục vụ tốt cho khâu tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả và lưu trữ hồ sơ chứng thực, hồ sơ chuyên môn. Thực hiện công khai bộ thủ tục hành chính đúng theo hướng dẫn của cấp trên. Công khai mức thu phí trong giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.

2. Về cải cách tổ chức bộ máy, nâng cao chế độ công vụ

Thực hiện đạt hiệu quả hoạt động bộ máy nhà nước địa phương, xây dựng và triển khai kế hoạch xây dựng chính quyền trong sạch vững mạnh và kế hoạch đẩy mạnh cải cách chế độ công vụ.

Đổi mới phương thức làm việc, nâng cao chất lượng hoạt động cơ chế “một cửa” tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công chức, chấn chỉnh tác phong, ngôn phong, lề lối làm việc của từng cán bộ công chức nhất là công chức tại bộ phận “một cửa” hướng dẫn tận tình và giải quyết tốt các thủ tục hành chính của tổ chức và công dân. Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của bộ phận một cửa, một cửa liên thông, đồng thời có chính sách, chế độ khen thưởng thỏa đáng với những thành tích điển hình.

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng CBCC hoặc có chế độ giải quyết chính sách nhằm chuẩn hóa cán bộ theo quy định.

3. Về cải cách tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính

Cuối năm họp đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện khoán kinh phí hành chính, phát huy tính dân chủ nội bộ trong thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện nghiêm Quy chế chi tiêu nội bộ.

Thực hiện có hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước theo hướng hiện đại, khoa học, tiết kiệm; nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyên đổi số.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC 6 tháng đầu năm 2024 của UBND xã Lương Bằng./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND huyện Chợ Đồn (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã (t/h);
- Lưu VP UBND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ma Thế Quốc

Phụ lục I
BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản		
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	50,6	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	38	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	20	
1.3	Kiểm tra CCHC			<i>Cấp huyện báo cáo</i>
1.3.1	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Đơn vị		
1.3.2	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
1.3.3	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.4	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, các nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	36	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	19	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp		
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không		
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>		
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
2.3	Rà soát VBQPPL		0	
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thông kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	0	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục		
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	114	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	1	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	7	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	148	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	148	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	148	Cấp huyện báo cáo cả cấp xã trực thuộc
	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	148	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	148	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%		
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số phòng chuyên môn	Phòng, tương đương		
4.2	Số ban, chi cục... trực thuộc	Đơn vị		
4.3	Số đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc	Đơn vị		
4.4	Tỷ lệ ĐVSNCNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%		
4.5	Số liệu về biên chế công chức			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.5.1	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	20	
4.5.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.5.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.5.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.5.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%		
4.6	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.6	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.6.1	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.6.2	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
4.6.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%		
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Số công chức hành chính đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%	100	
5.1.2	Số viên chức sự nghiệp đúng vị trí việc làm đã được phê duyệt	%		
5.2	Tuyển dụng viên chức			
5.2.1	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua thi tuyển)	Người		
5.2.2	Số viên chức được tuyển dụng mới (qua xét tuyển)	Người		
5.3	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (lũy kế từ đầu năm)			
5.3.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.2	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lai	Người		
5.3.5	Số lãnh đạo cấp phòng được bổ nhiệm lai	Người		
5.3.6	Số lãnh đạo đơn vị trực thuộc được bổ nhiệm lai	Người		
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).			
5.4.1	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người		
5.4.2	Số lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật.	Người		
5.4.3	Số công chức, người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người		
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		Cấp huyện báo cáo
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
6.2.1	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.2	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.3	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
	Số DVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số DVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
	Số DVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
6.2.5	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị		
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước		503	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).	%		
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%		
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			Cấp huyện báo cáo cả cấp xã
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến một phần	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	13	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần	Thủ tục	13	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	05	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn phần	%		
	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục	62	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần	Thủ tục	62	
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	55	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%		
	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến của cơ quan, đơn vị	Thủ tục	39	
	Số TTHC cung cấp trực tuyến đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	39	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến (chỉ thống kê đối với các TTHC trực tuyến có phát sinh hồ sơ)	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)	Hồ sơ	148	
	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	60	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)	Thủ tục	4	
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.	Thủ tục	0	